

CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÙNG ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN CỦA TỈNH SƠN LA

• **ThS. NGUYỄN HUY HOÀNG**

Trường Cao đẳng Sư phạm Sơn La

1. Khái niệm vùng đặc biệt khó khăn, các tiêu chí phân định

Theo Thông tư số 41/UB-TT ngày 08/01/1996 của Ủy ban Dân tộc và Miền núi về việc quy định, hướng dẫn thực hiện các tiêu chí phân loại, các xã được xếp theo 3 khu vực: Khu vực I là vùng phát triển ven các quốc lộ hoặc nằm giáp thị trấn, thị xã; khu vực II là vùng ảnh hưởng của các trung tâm phát triển (thị xã, thị trấn); khu vực III là vùng cao, vùng sâu, vùng xa, hay còn gọi là vùng đặc biệt khó khăn (ĐBK). Việc phân loại các xã ĐBK do Ủy ban Dân tộc và Miền núi đưa ra năm 1996 liên quan đến 5 tiêu chí, bao gồm:

- Vị trí địa lý (địa bàn cư trú): Gồm các xã vùng sâu, vùng xa, vùng cao hẻo lánh, vùng biên giới hải đảo. Khoảng cách của các xã đến khu trung tâm, trực động lực phát triển (thị xã, thị trấn) trên 20 km.

- Cơ sở hạ tầng: Chưa được đầu tư xây dựng hoặc còn tạm bợ. Giao thông khó khăn, không có đường ô tô vào xã. Các công trình điện, thủy lợi, nước sạch, trường học, bệnh xá rất thấp kém hoặc không có.

- Các yếu tố xã hội: Chưa đạt mức tối thiểu. Dân trí thấp, tỉ lệ mù chữ và thất học trên 60%, bệnh tật nhiều, tập tục lạc hậu, không có thông tin.

- Điều kiện sản xuất: Rất khó khăn, thiếu thốn, sản xuất mang tính tự nhiên, chủ yếu hái lượm phát rừng làm nương rẫy, du canh du cư.

- Về đời sống: Số hộ đói nghèo trên 60% số hộ của xã, đời sống thực sự khó khăn, thiếu đói, dứt bữa thường xuyên xảy ra.

Theo lí thuyết thì xã nào có 4/5 tiêu chí nêu trên thì được xếp vào khu vực ĐBK.

Tỉnh Sơn La có 86/201 xã thuộc vùng ĐBK, chiếm 42,8% tổng số xã, phường, thị trấn của tỉnh; toàn tỉnh có 10/11 huyện có xã ĐBK. Các xã ĐBK của tỉnh Sơn La bao gồm 1.216 bản, 55.673 hộ dân và 321.948 nhân khẩu (chiếm 34,6% tổng dân số của tỉnh), trong đó tỉ lệ hộ nghèo khoảng 46%.

2. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục vùng ĐBK

Phát triển giáo dục (PTGD) vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số là một chủ trương mang tính chiến lược của Đảng và Nhà nước ta, nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu công bằng trong giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.

Hiến pháp Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (Điều 36) đã khẳng định: "Nhà nước thực hiện chính sách ưu tiên đảm bảo PTGD miền núi, các vùng dân tộc thiểu số và các vùng ĐBK".

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã chỉ rõ: "Củng cố và duy trì thành quả phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ (PC GDTH - XMC), đặc biệt ở các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa; thực hiện phổ cập trung học cơ sở (THCS)".

Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 201/2001/QĐ-TTg ngày 28/12/2001 đã đề ra mục tiêu PTGD là: "Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục và tạo cơ hội học tập ngày càng tốt hơn cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là ở các vùng còn nhiều khó khăn", "quan tâm nhiều hơn đến PTGD cho các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người", "ưu tiên phát triển các cơ sở giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa", "hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc ít người và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn".

3. Thực trạng PTGD vùng ĐBK của tỉnh Sơn La

3.1. Về hệ thống mạng lưới trường lớp

Mạng lưới trường lớp vùng ĐBK của tỉnh Sơn La vẫn còn nhiều bất cập so với yêu cầu phát triển, hầu hết chưa có trường mầm non riêng mà chỉ có lớp mầm non gắn với trường tiểu học, trường phổ thông cơ sở. Hiện nay còn 75 trường PTCS, còn nhiều phòng học tạm tranh tre nứa lá (chiếm 67,3% tổng số phòng học vùng ĐBK), tỉ lệ phòng học 2 ca còn rất cao (76,6% tổng số phòng học), thiếu nhà ở bán trú cho HS và nhà ở công vụ cho giáo viên (GV).

3.2. Về quy mô HS

Trong những năm gần đây, số lượng HS các cấp tăng nhanh do đã đạt chuẩn PC GDTH - XMC, kinh tế - xã hội có bước phát triển khá và đặc biệt tỉnh Sơn La đã có chính sách hỗ trợ cho HS học bán trú 2 tháng lương thực mỗi năm. Các chính sách đầu tư xây dựng trường lớp, nhà ở công vụ cho GV, nhà ở bán trú cho HS và hỗ trợ trực tiếp về lương thực cho HS bán trú vùng khó khăn và ĐBKK đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho con em vùng ĐBKK, con em đồng bào dân tộc thiểu số được đến trường học tập.

Tỉ lệ huy động HS vào các lớp đầu cấp tiểu học khá cao. Nhưng việc duy trì sĩ số và nâng cao hiệu quả đào tạo còn gặp nhiều khó khăn do số HS bỏ học vẫn còn cao (khoảng gần 5%/năm). Tỉ lệ HS hoàn thành chương trình tiểu học vào học THCS thấp vì người dân còn nghèo, việc cho con em đi học làm ảnh hưởng đến sức lao động của gia đình, nhất là những HS lớn, HS THCS.

Số HS bình quân/lớp ở các trường vùng ĐBKK không cao, khoảng 15 - 17 HS/lớp, thấp hơn mức bình quân chung của tỉnh và quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Do sự phân bố dân cư các bản và cụm bản không đồng đều và nhìn chung là thưa dân, ít hộ nên hầu hết các lớp "cắm bản" (lớp 1, lớp 2, lớp 3) có sĩ số HS / lớp rất thấp, dưới 15 HS / lớp. Một số lớp chỉ có 5 - 7 HS, phải tổ chức dạy học theo hình thức lớp ghép.

3.3. Về chất lượng giáo dục

- *Giáo dục đạo đức:* Nhìn chung chất lượng giáo dục đạo đức ở tiểu học và THCS vùng ĐBKK có chiều hướng phát triển tốt và ổn định. Số HS có hạnh kiểm khá, tốt hàng năm đều tăng, số HS hạnh kiểm yếu giảm. Chưa có biểu hiện tệ nạn xã hội xâm nhập học đường, tuy nhiên vẫn còn tình trạng HS bỏ học, nề nếp sinh hoạt theo quy chế và nội quy chưa thật tốt.

- *Giáo dục văn hoá:* Đến nay, các trường vùng ĐBKK đã thực hiện dạy đủ 9 môn đối với tiểu học và 13 môn đối với THCS. Một số môn năng khiếu như Mĩ thuật, Âm nhạc ở tiểu học, môn Thể dục, Công nghệ, Hoạt động ngoài giờ lên lớp, Giáo dục hướng nghiệp ở THCS ... do thiếu GV nên ở một số trường tiểu học, THCS vẫn còn tình trạng GV phải dạy chéo môn, nên chất lượng giảng dạy chưa cao. Toàn bộ HS ở vùng ĐBKK chỉ đi học 1 buổi/ngày (khoảng 5 tiết), ngoài ra các sinh hoạt khác chỉ vào khoảng 1 tiết/1 ngày.

Do điều kiện kinh tế - xã hội, điều kiện cơ sở vật chất và chất lượng đội ngũ GV vùng ĐBKK

còn nhiều mặt bất cập so với yêu cầu nên nhìn chung chất lượng giáo dục văn hoá còn có khoảng cách so với vùng thuận lợi, chưa có trường học nào tổ chức học hai buổi/ngày, số HS xếp loại khá giỏi còn thấp, không có HS đạt giải tại các kì thi HS giỏi cấp tỉnh. Tỉ lệ HS hoàn thành chương trình tiểu học, tốt nghiệp THCS đã tăng lên qua các năm.

Việc duy trì sĩ số, hạn chế trẻ em bỏ học, thất học ở vùng ĐBKK còn gặp nhiều khó khăn. Tỉ lệ huy động trở lại trường hàng năm vẫn còn thấp so với tổng số trẻ em bỏ học và chưa được đến trường. Tỉ lệ HS tiểu học và THCS vùng ĐBKK đi học đúng độ tuổi còn khá thấp so với các vùng thuận lợi.

3.4. Về các điều kiện đảm bảo PTGD

- *Về đội ngũ GV:* Việc bổ sung GV cho các trường học nói chung và các trường học vùng ĐBKK nói riêng đã được quan tâm. Tuy vậy, đến nay tỉnh Sơn La vẫn còn thiếu số lượng và cơ cấu GV các môn theo quy định, đặc biệt là thiếu GV các môn năng khiếu tiểu học (như Hát nhạc, Mĩ thuật) và một số môn mới THCS (Công nghệ, Hoạt động ngoài giờ lên lớp...).

Đội ngũ GV mầm non, tiểu học và THCS tỉnh Sơn La hiện nay còn một bộ phận không nhỏ chưa đạt chuẩn về trình độ đào tạo của cấp học, số này tập trung chủ yếu ở vùng ĐBKK. GV chưa đạt chuẩn ở mầm non chiếm 53%, ở tiểu học chiếm 22,1%, ở THCS chiếm 14,0%.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Trong phạm vi toàn tỉnh số phòng học từ cấp 4 trở lên chiếm 54,3%. Nhưng ở vùng ĐBKK, số phòng học từ cấp 4 trở lên mới chiếm 32,7%, số phòng học tạm vẫn còn khá lớn. Trong giai đoạn 2003 - 2006 đã triển khai xây dựng được 671 phòng ở cho HS bán trú, 1.191 phòng ở công vụ cho GV các xã thuộc vùng ĐBKK của tỉnh. Bước đầu đã xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường học vùng ĐBKK theo hướng chuẩn Quốc gia nhưng đến nay vẫn chưa có trường học nào ở vùng ĐBKK đạt chuẩn quốc gia và dạy 2 buổi/ngày.

Toàn bộ các trường tiểu học và THCS vùng ĐBKK đã được trang bị thiết bị dạy học theo danh mục chuẩn tối thiểu của các lớp thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy vậy, đồ dùng dạy học cũng chưa thật đầy đủ để tổ chức dạy học theo phương pháp dạy học mới (tổ chức học tập theo nhóm...). Các trường đã được trang bị sách và tài liệu phục vụ giảng dạy của GV và cho HS diện chính sách mướn, các trường chưa có tủ sách dùng chung và thư viện. Các lớp

mầm non hầu như chưa có trang thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi để phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Như vậy, hầu hết các trường vùng ĐBKK còn thiếu nhiều điều kiện trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập, hầu hết các trường đều không có máy tính, không có phòng thí nghiệm thực hành. Bên cạnh đó, công tác quản lí, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị của nhà trường còn nhiều hạn chế. Đa số trường học chưa có cán bộ nghiệp vụ thư viện, thiết bị thí nghiệm, thực hành... để quản lí, khai thác sử dụng có hiệu quả trang thiết bị và sách - tài liệu đã được trang bị.

- *Nguồn lực tài chính huy động cho giáo dục*

Ngoài các chương trình đầu tư xây dựng cơ bản có tính chất mục tiêu có ưu tiên cho vùng ĐBKK, các trường vùng ĐBKK chưa được hưởng một chính sách ưu tiên nào khác trong phân bổ kinh phí, trong khi các trường này không có khoản thu thêm hoặc hỗ trợ nào khác (kể cả thu học phí và tiền xây dựng trường) nên kinh phí hoạt động gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn.

4. Các giải pháp PTGD vùng ĐBKK của tỉnh Sơn La

4.1. Tăng cường công tác lập kế hoạch phát triển, thanh tra, kiểm tra, nắm thông tin về kết quả PTGD của vùng ĐBKK

Nhằm tăng cường công tác lập kế hoạch phát triển, giám sát và đánh giá giáo dục ở các xã ĐBKK, cần phải tiến hành các hoạt động sau đây:

- Tăng cường công tác lập kế hoạch PTGD vùng ĐBKK của các cấp quản lí từ cấp trường, phòng, sở đến Bộ, đưa kế hoạch phát triển giáo dục vùng ĐBKK thành một bộ phận không thể thiếu với những mục tiêu cụ thể rõ ràng của từng giai đoạn, thời kì trong kế hoạch PTGD chung của mỗi cấp quản lí.

- Nâng cao năng lực lập kế hoạch và quản lí giáo dục cho cán bộ cấp trường thông qua việc xây dựng, triển khai một chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp giúp cho cán bộ quản lí các trường vùng ĐBKK nắm và sử dụng công cụ kế hoạch một cách có hiệu quả, giúp họ có khả năng biến các ý tưởng về mục tiêu giáo dục thành các kế hoạch hoạt động đào tạo thành công về phương diện giáo dục trên thực tế.

4.2. Tăng cường và đảm bảo công bằng trong đầu tư tài chính, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư PTGD vùng ĐBKK

- Tăng cường đầu tư vốn cho vùng ĐBKK thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia: Chương trình xoá đói giảm nghèo và tạo việc

làm, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã ĐBKK, Chương trình PTGD - y tế - văn hóa, Chương trình kiên cố hoá trường lớp học, Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng được thực hiện bằng nhiều nguồn vốn phân bổ trực tiếp của ngân sách TW, ngân sách địa phương, vốn lồng ghép của các chương trình dự án, vốn vay tín dụng, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn huy động từ cộng đồng. Tuy nhiên, với 42,7% số xã phường của tỉnh Sơn La là ĐBKK, tỉnh Sơn La cần phải tìm thêm các nguồn tài trợ và cải tiến việc phân bổ ngân sách nhà nước cho giáo dục các xã ĐBKK.

- Bổ sung, điều chỉnh các định mức quy định về HS/lớp, GV/lớp hoặc HS/GV, chế độ công tác của GV cho phù hợp với các thay đổi về nội dung chương trình, loại hình GV, định mức lao động mới hiện nay để các cơ quan quản lí giáo dục có căn cứ phù hợp giám sát các trường trong việc sử dụng nguồn lực, kể cả các trường ở vùng ĐBKK.

- Để đảm bảo dân chủ và công bằng trong phân bổ và sử dụng nguồn lực cần tăng quyền cho các cơ quan quản lí giáo dục cấp tỉnh, cấp huyện và hiệu trưởng trong việc tham gia xây dựng kế hoạch, phân bổ và sử dụng các nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

- Việc tính toán và áp dụng định mức cấp ngân sách chi thường xuyên tối thiểu cho các trường ở vùng ĐBKK cần phối hợp sử dụng một cách hợp lí các thông số về HS, GV, lớp học (quan tâm đến tính đặc thù của lớp ghép), giao quyền hợp lí cho hiệu trưởng trong việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí được giao.

4.3. Phát triển đội ngũ CBQL và GV của các trường học vùng ĐBKK

Đội ngũ cán bộ quản lí, GV là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục, do vậy để nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, tạo nên những cải thiện thực chất và bền vững trong sản phẩm đầu ra của giáo dục, không có cách nào khác hiệu quả hơn là đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho GV, đồng thời có cơ chế, chính sách để đãi ngộ, khuyến khích họ một cách phù hợp, thoả đáng. Giáo dục tại các xã vùng ĐBKK được thực hiện trong môi trường kém thuận lợi về mọi mặt, cán bộ quản lí giáo dục và GV phải thực thi nhiệm vụ trong điều kiện nhiều khó khăn và thử thách. Do vậy, họ phải được đào tạo, bồi dưỡng, được chuẩn bị tốt để thích nghi và vượt qua những khó khăn thử thách đó. Để nâng cao năng lực cho cán bộ quản lí, GV và khuyến khích họ làm việc phải có những phương pháp và cách tiếp cận đúng, phù hợp với

đặc điểm cán bộ quản lý và GV vùng ĐBKK. Sau đây là một số đề xuất:

+ Một bộ phận khá lớn GV ở vùng ĐBKK chưa được đào tạo cơ bản, trình độ đào tạo thấp. Hiện nay họ đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp thu và dạy theo phương pháp dạy học mới. Để đáp ứng yêu cầu của công tác đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, mà nhiệm vụ cơ bản là đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học, cần phải đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao về kiến thức, phương pháp của các môn học để GV có thể thực hiện tốt chương trình và phương pháp dạy học mới. Thực tế này đòi hỏi phải đào tạo bổ sung, thậm chí là đào tạo lại cho họ về kiến thức, phương pháp dạy học của môn học. Đối với các chương trình bồi dưỡng định kì, thường xuyên cũng nên thiết kế và thực hiện với thời lượng dài hơn các chương trình bồi dưỡng GV ở các vùng khác.

+ Có cơ chế, chính sách cụ thể để khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với CBQL, GV dạy giỏi vùng ĐBKK nhằm động viên khuyến khích những kết quả công tác tốt và công hiến của họ để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác và gắn bó với giáo dục ở các xã vùng ĐBKK.

+ Khắc phục kịp thời tình trạng thiếu GV cục bộ, mất cân đối về cơ cấu GV do thiếu GV ở một số bộ môn bằng nhiều biện pháp như tăng cường đào tạo theo địa chỉ, tăng thêm biên chế, đào tạo lại dạy môn 2, môn 3, điều động tăng cường hoặc biệt phái GV các trường gần đến giảng dạy.

4. 4. Trang bị vốn tiếng Việt ở mầm non và tiếp tục củng cố, tăng cường tiếng Việt ở tiểu học cho HS dân tộc thiểu số vùng ĐBKK

HS dân tộc thiểu số chiếm đa số trong tổng số HS ở hầu hết các xã ĐBKK của tỉnh Sơn La, ở nhiều xã là 100%. Đa số trẻ em dân tộc thiểu số vùng ĐBKK trước khi tới trường đã sử dụng thông thạo tiếng mẹ đẻ nhưng lại không biết hoặc biết rất ít tiếng Việt. Để giúp các em HS dân tộc thiểu số đỡ ngỡ ngàng khi bước vào lớp 1 học Chương trình tiểu học mới có kết quả tốt, làm nền tảng cho các em học tập có hiệu quả cao ở các cấp học tiếp theo, cần tổ chức dạy tập nói tiếng Việt cho HS dân tộc thiểu số vùng ĐBKK ở mầm non và tiếp tục củng cố, tăng cường vốn tiếng Việt cho các em ở các lớp đầu tiểu học.

4. 5. Củng cố, mở rộng mạng lưới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường bán trú dân nuôi, trung tâm học tập cộng đồng để nâng cao số lượng, chất lượng và hiệu quả

giáo dục vùng ĐBKK

- Duy trì, củng cố và mở rộng hệ thống, quy mô trường phổ thông dân tộc nội trú từ cấp huyện đến cấp tỉnh để tạo nguồn đào tạo cán bộ có chất lượng cao cho vùng ĐBKK, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBKK. Để đảm bảo chất lượng nuôi dưỡng, giáo dục toàn diện cho HS, trường phổ thông dân tộc nội trú phải được ưu tiên đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ CBQL và GV; có chính sách ưu đãi đối với cán bộ quản lý và GV công tác tại trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Củng cố và tạo điều kiện phát triển loại hình trường bán trú dân nuôi (trường phổ thông dân tộc bán trú) tại các xã để đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của con em đồng bào vùng ĐBKK. Đây là một đòi hỏi khách quan, tất yếu của giáo dục vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc nói chung và vùng ĐBKK nói riêng do người dân sống phân tán, giao thông đi lại khó khăn, HS không thể đi về trong buổi, trong ngày, đặc biệt là khi học lên các lớp cao (lớp 4, 5; THCS; THPT) không có lớp tại bản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
2. *Hiến pháp Nước cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1992.
3. *Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010*, NXB Giáo dục, 2002.
4. Quyết định số 135/1998 QĐ-TTg về phê duyệt chương trình phát triển kinh tế-xã hội các xã ĐBKK miền núi và vùng sâu, vùng xa.
5. Quyết định số 42/UB-QĐ ngày 23/05/1997 của Ủy ban Dân tộc và Miền núi về việc công nhận 3 khu vực miền núi vùng cao.
6. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XI.

SUMMARY

The article introduces the concept of especially difficult area and major criteria for defining this area; plans and policies of the Party and State to develop education in especially difficult areas, status quo of educational development in especially difficult areas in Sơn La Province, whereby to bring forward solutions to develop education in especially difficult areas in Sơn La Province